

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN DŨNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HS-ST  
Ngày 18-12-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, ông Đào Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2023/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Nông Đức A**, sinh 1995; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã T, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; nơi tạm trú: Thôn Q, xã T, Yên Dũng, Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nông Trọng M và con bà Hoàng Thị V; vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1998; có 02 con: con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 06/12/2022, bị Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 600/QĐ-XPTT ngày 06/12/2022); nhân thân: Ngày 16/7/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 65/2020/HS-ST ngày 16/7/2020; chấp hành xong hình phạt ngày 12/3/2021); bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa trực tuyến).

**2. Riêu Văn T**, sinh 1992; nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã L, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; nơi tạm trú: Thôn C, xã N, huyện Yên Dũng, Bắc Giang; quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Riêu Văn N và con bà Đàm Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/4/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 14 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", (chấp hành xong hình phạt ngày 03/02/2021); bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà trực tuyến).

\* Bị hại: Chị Lường Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Bản X, xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Nơi tạm trú: Thôn Q, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Đức A và Riêu Văn T có mối quan hệ quen biết với nhau, do là người cùng huyện và cùng đến làm công nhân và thuê trọ trên địa bàn huyện Yên Dũng, Bắc Giang. Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 03/8/2023, Nông Đức A đi bộ từ phòng trọ của ông Thân Văn L ở thôn Q, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ra cổng để mua đồ ăn sáng. Khi ra đến cổng, Đức A phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô đang dựng khu vực cổng, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá điện. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 27U1-076.63 của chị Lường Thị D, sinh năm 1994, ở xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên đi đến khu nhà trọ chơi với bạn dựng ở đó. Quan sát xung quanh thấy không có người qua lại, nên Đức A nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu, rồi Đức A đi đến trộm cắp xe đem đến phòng trọ của T ở thôn C, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Khi đem xe trộm cắp đến gặp T, Đức A nói với T là vừa trộm cắp chiếc xe mô tô đó và bảo T cùng đem chiếc xe trộm cắp đi cầm cố lấy tiền chia nhau ăn tiêu, biết đó là tài sản trộm cắp như T vẫn đồng ý. Sau đó Đức A điều khiển xe chở T đi đến khu vực cây xăng Yên Ninh ở thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang gặp anh Nguyễn Thành L, sinh năm 2000, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Việt

Yên, tỉnh Bắc Giang nói là muốn cầm xe vay tiền thì anh L dẫn Đức A và T đến Cửa hàng sửa chữa xe máy T, ở tổ dân phố H, thị trấn N, huyện Việt Yên của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang để cầm xe. Khi đem xe đến, T mở cốp xe thấy bên trong có 01 Giấy phép lái xe mang tên Lương Thị D, sinh năm 1994, ở xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; 01 Đăng ký xe mô tô bản pho tô và 01 Hợp đồng mua bán xe máy, T cầm số giấy tờ trên cất vào túi quần đi vào trong cửa hàng nói dối là xe của chị gái muốn cầm lấy 1.000.000, thì L đồng ý. Toàn bộ số tiền cầm xe Đức A và T đã dùng đi ăn tiêu chung hết.

Đối với chị Lương Thị D, sau khi phát hiện bị mất xe mô tô đã làm đơn trình báo. Sau khi nhận đơn trình báo, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra trích xuất camera phát hiện Nông Đức A là người thực hiện hành vi trộm cắp. Biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, đang bị điều tra, ngày 04/8/2023, Nông Đức A và Riêu Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đầu thú.

Riêu Văn T giao nộp: 01 bản hợp đồng mua bán xe đề ngày 11/11/2020, của Công ty TNHH Trần Hà, Điện Biên; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 27U1-076.63 mang tên Vàng A P; 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Thị D và 01 điện thoại NOKIA màu xanh. Nông Đức A giao nộp 01 điện thoại NOKIA màu đen.

Ngày 04/8/2023, anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, màu đen, biển kiểm soát 27U1 - 076.63; 01 chiếc chìa khoá xe mô tô nhãn hiệu Honda.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53 ngày 10/8/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave RS màu đen, biển kiểm soát 27U1-076.63 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 11.200.000 đồng.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 113/CT-VKSYD ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Nông Đức A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Riêu Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nông Đức A từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.  
Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Riêu Văn T từ 08 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho Nông Đức A 01 điện thoại NOKIA màu đen và 01 áo phông cộc tay màu đen; trả lại cho Riêu Văn T 01 điện thoại NOKIA màu xanh - đen.

Về án phí: Các bị cáo thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phần tranh luận:**

Bị cáo Nông Đức A không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Riêu Văn T tranh luận: Mức hình phạt Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nặng, đề nghị xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

**\*Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận với bị cáo T:** Bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có ít tình tiết giảm nhẹ, do vậy Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo ở mức từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Theo các tài liệu điều tra, thu thập trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 03/8/2023, tại khu vực trước cổng nhà trọ của ông Thân Văn L ở thôn Q, xã T, huyện Yên Dũng. Nông Đức A đã lợi dụng sự chủ quan, sơ hở của chị Lương Thị D để trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 27U1- 076.63 của chị D. Trị giá tài sản trộm cắp là 11.200.000 đồng. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, Nông Đức A đi xe đến phòng trọ của Riêu Văn T ở thôn Chiền, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nói cho T biết đó là xe trộm cắp và bảo T đem xe đi cầm cố lấy tiền chi dùng chung. Biết đó là xe mô tô do Nông Đức A trộm cắp được có mà, nhưng T vẫn đồng ý cùng Nông Đức A mang xe đến cầm cố cho anh Nguyễn Thành L được 1.000.000 đồng sau đó cả hai sử dụng ăn tiêu hết.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu sài bằng con đường bất chính nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo Nông Đức A lợi dụng sự chủ quan, sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Lương Thị D, tài sản bị trộm cắp trị giá 11.200.000 đồng nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Riêu Văn T biết rõ chiếc xe mô tô mà Nông Đức A mang đến là do Anh trộm cắp của người khác mà có nhưng vẫn cùng với Anh mang chiếc xe trên đi tiêu thụ để lấy tiền tiêu sài, do vậy bị cáo T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng bị thu giữ cùng các tài liệu và chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 113/CT-VKSYD ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo Nông Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Riêu Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Nông Đức A là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản độc lập, không có ai giúp sức; bị cáo Riêu Văn T thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do Nông Đức A trộm cắp một cách độc lập, không có sự bàn bạc, phân công, không có ai giúp sức. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

\* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

\* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

\* Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đều đã từng bị Tòa án kết án tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nông Đức A còn có 01 tiền sự, ngày 06/12/2022, bị Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù vậy, các bị cáo không biết lấy đó là những bài học cho bản thân, không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hành phạm tội. Chứng tỏ các bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo. Do vậy cần xử lý nghiêm, buộc các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật, có ích cho gia đình và cộng đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo xét thấy là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Lương Thị D đã nhận lại tài sản, chị D và anh Nguyễn Thành L (người liên quan) đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô 27U1 - 076.63 nhãn hiệu Honda cùng chìa khoá xe; 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Thị D; 01 bản hợp đồng mua bán xe đề ngày 11/11/2020; 01 giấy đăng ký xe mô tô 27U1-076.63 đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lương Thị D. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại NOKIA màu xanh - đen thu giữ của Riêu Văn T; 01 điện thoại NOKIA màu đen và 01 áo phông cộc tay màu đen thu giữ của Nông Đức A. Xét thấy những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với các vấn đề khác:

Trong vụ án này, đối với anh Nguyễn Thành L là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô do Đức A trộm cắp, tuy nhiên anh L không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh Long là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Nông Đức A.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Riêu Văn T.

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

#### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

- Xử phạt Nông Đức A 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/08/2023.

- Xử phạt Riêu Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/08/2023.

## **2. Về xử lý vật chứng:**

Trả lại cho Nông Đức A 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng) có số Imei: 359021098393559 và 01 áo phông cộc tay màu đen, bên ngực trái có logo màu trắng; trả lại cho Riêu Văn T 01 điện thoại NOKIA màu xanh – đen (đã qua sử dụng), có số Emei: 35681963438023.

## **3. Về án phí:** Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

## **4. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện H, CB;
- UBND xã L, huyện H, CB;
- UBND xã T, huyện Y, BG;
- UBND xã N, huyện Y, BG;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Sơn**